HĐND HUYỆN SA THẦY **ĐOÀN GIÁM SÁT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 126 /BC-ĐGS	*Sa Thầy, ngày 16 tháng 12 năm 2022*

BÁO CÁO
Kết quả giám sát việc triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội *(từ ngày 01/7/2021 đến ngày 30/9/2022)*

Thực hiện Kế hoạch số 21/KH-ĐGS ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân huyện về giám sát việc triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội *(Nghị định 20/2021/NĐ-CP);* Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân huyện báo cáo kết quả giám sát cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Sa Thầy là huyện miền núi, biên giới, nằm ở phía Tây Nam, cách thành phố Kon Tum gần 30 km, diện tích tự nhiên 143.186,72 ha, chiếm 14,83% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Toàn huyện có 10 xã và 01 thị trấn, trong đó có 06 xã đặc biệt khó khăn, 02 xã biên giới, 64 thôn, làng. Dân số toàn huyện đến nay khoảng 53.000 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 57%. Trên địa bàn huyện có các dân tộc: Kinh, Gia Rai, Hà Lăng *(Xơ Đăng),* Rơ Ngao *(Ba Na),* Thái, Rơ Măm... Hiện nay, toàn huyện có khoảng 19.216 trẻ em, chiếm 36% dân số; có 3.563 người cao tuổi, chiếm 6,9 % dân số.

Tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2022, trên địa bàn huyện có 2.856 đối tượng đang hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, trong đó: 773 người khuyết tật *(369 người khuyết tật nặng, 158 người khuyết tật nặng là người cao tuổi, 129 người khuyết tật nặng là trẻ em, 38 người khuyết tật đặc biệt nặng, 39 người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi, 40 người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em);* 554 người từ đủ 80 tuổi trở lên mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng; 14 trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng; 02 người từ đủ 16 tuổi đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất; 103 người đơn thân nghèo đang nuôi con; 15 người cao tuổi thuộc hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng; 1.187 trẻ em dưới 03 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn; 61 người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa

bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn; 14 người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi; 133 người thuộc hộ gia đình đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, hướng dẫn của các sở ngành, sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể và chính quyền địa phương nên thời gian qua, huyện đã triển khai thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn, qua đó góp phần động viên các đối tượng và gia đình đối tượng vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện

Thực hiện Nghị định 20/2021/NĐ-CP và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân huyện đã kịp thời ban hành các văn bản[(1)] chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; đồng thời, lồng ghép chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách bảo trợ xã hội thông qua các Chương trình, Kế hoạch[(2)].

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã có sự phối hợp chặt chẽ trong tuyên truyền chính sách; rà soát, hướng dẫn đối tượng lập hồ sơ giải quyết chế độ, chính sách theo quy định.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội

Các đơn vị, địa phương thường xuyên tuyên truyền các chủ trương, chính sách Đảng, Nhà nước về chính sách trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội đến các tầng lớp Nhân dân bằng nhiều hình thức như: Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh, qua các buổi phổ biến pháp luật, các buổi họp thôn/làng, niêm yết văn bản tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, tuyên truyền trực tiếp tại hộ gia đình…

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện cử cán bộ, công chức Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tham gia Hội thảo,

---

[(1)] Công văn số 805/UBND-TH ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc triển khai rà soát, lập danh sách, tổng hợp báo cáo đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP; Công văn số 1419/UBND-TH ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ; Công văn số 705/UBND-TH ngày 04 tháng 4 năm 2022 về chấn chỉnh việc thực hiện trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP…

[(2)] Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2021 về triển khai thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2021 về triển khai thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021 về triển khai thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2022 về triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi trên địa bàn huyện giai đoạn 2022 - 2025…

các lớp tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ do cấp trên tổ chức[3], qua đó góp phần tăng cường kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ phụ trách công tác bảo trợ xã hội.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Việc thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên

1.1. Tình hình đối tượng bảo trợ xã hội

Số đối tượng chuyển tiếp từ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội *(từ ngày 01 tháng 7 năm 2022):* 1.579 đối tượng.

Số đối tượng mới phát sinh theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội: 1.642 đối tượng *(1.581 đối tượng trẻ em dưới 03 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn; 61 đối tượng là người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn).*

1.2. Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng

a. Chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng

Hàng tháng, các đối tượng bảo trợ xã hội được cấp phát đầy đủ chế độ theo quy định. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến ngày 31 tháng 8 năm 2022, đã thực hiện chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng với tổng số tiền 18.899,285 triệu đồng.

b. Chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế

Việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022, đã thực hiện cấp 463 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng với tổng kinh phí 458,721 triệu đồng.

c. Chính sách trợ giúp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Trên địa bàn huyện hiện có 11 đối tượng khuyết tật nặng là trẻ em đang theo học tại các trường công lập trên địa bàn. Các đối tượng đang theo học được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC của Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội và Bộ Tài chính *(được hỗ trợ 01 triệu đồng/năm học để mua sách, vở, đồ dùng học tập; hỗ trợ học bổng bằng 80% mức lương cơ sở).* Hiện không có đối tượng bảo trợ xã hội đang tham gia chương trình đào tạo và dạy

---

[3] Hội thảo chi trả chế độ trợ giúp xã hội qua hệ thống bưu điện; tập huấn kỹ năng chăm sóc sức khỏe tâm thần dựa vào cộng đồng…

nghề trên địa bàn huyện.

d. Hỗ trợ chi phí mai táng

Các đối tượng bảo trợ xã hội sau khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng đầy đủ theo quy định. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến ngày 31 tháng 8 năm 2022, đã thực hiện hỗ trợ chi phí mai táng cho thân nhân 72 đối tượng với tổng số tiền 518,4 triệu đồng.

1.3. Công tác quản lý hồ sơ, tiếp nhận và giải quyết chế độ cho các đối tượng

Công tác quản lý hồ sơ của các đối tượng được Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn quan tâm thực hiện, đảm bảo khoa học, thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý đối tượng.

Việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cho các đối tượng được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

1.4. Công tác theo dõi, quản lý đối tượng; chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng

Công tác theo dõi, quản lý đối tượng: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phân công công chức Văn hóa - Xã hội phối hợp với các hội, đoàn thể, thôn, làng để theo dõi, quản lý đối tượng bảo trợ xã hội, đề xuất giải quyết kịp thời chế độ cho các đối tượng; phối hợp với nhân viên bưu điện trong việc theo dõi biến động tăng/ giảm và chi trả chế độ hàng tháng cho các đối tượng.

Về công tác chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đã thực hiện ký kết hợp đồng với đơn vị chi trả là Bưu điện huyện Sa Thầy. Các bên đã tích cực phối hợp và đã ban hành các văn bản khung để việc triển khai được thuận lợi, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đối tượng, giúp cho công tác quản lý đối tượng, thiết lập hồ sơ, đề nghị và quyết định trợ cấp xã hội đảm bảo liên tục.

2. Việc thực hiện trợ giúp xã hội khẩn cấp

Công tác trợ giúp xã hội khẩn cấp cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, các hộ gia đình, cá nhân gặp thiên tai, hỏa hoạn và các sự cố bất khả kháng được quan tâm thực hiện kịp thời, hiệu quả. Cụ thể như sau:

2.1. Hỗ trợ lương thực, nhu yếu phẩm

Hằng năm, Ủy ban nhân dân huyện đều chỉ đạo các địa phương rà soát Nhân dân có nguy cơ thiếu đói trong dịp Tết Nguyên đán, dịp giáp hạt để hỗ trợ lương thực. Năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện đã tiếp nhận gạo hỗ trợ từ Chính phủ với 28.815 kg, thực hiện cấp phát cho 1.921 khẩu *(15 kg/khẩu)* có nguy cơ

thiếu đó dịp Tết nguyên đán 2022. Bên cạnh đó, một số địa phương tự cân đối để hỗ trợ Nhân dân với 1.410 kg/94 khẩu[4].

2.2. Hỗ trợ chi phí mai táng

Đã thực hiện hỗ trợ chi phí mai táng cho 06 hộ gia đình[5] có người chết do thiên tai và trường hợp bất khả kháng với số tiền 108 triệu đồng *(18 triệu đồng/hộ).*

2.3. Hỗ trợ sửa chữa nhà ở

Đã thực hiện hỗ trợ sửa chữa 01 căn nhà *(tại xã Rờ Kơi*) bị hư hỏng do thiên tai với số tiền 20,723 triệu đồng.

3. Việc thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng

Tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2022, trên địa bàn huyện có 134 đối tượng đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tại cộng đồng, trong đó: Trẻ em mồ côi: 14 đối tượng; người khuyết tật đặc biệt nặng: 120 đối tượng *(117 đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; 01 đối tượng đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng; 02 đối tượng đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công cách mạng).*

Hộ gia đình nhận chăm sóc trẻ em mồ côi, người khuyết tật đặc biệt nặng được hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng theo quy định *(chăm sóc trẻ em mồ côi được hỗ trợ 540.000 đồng/ tháng; chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng được hỗ trợ 360.000 đồng/tháng).* Ngoài ra, các hộ gia đình có người khuyết tật còn được hướng dẫn chăm sóc, phục hồi chức năng cho người khuyết tật.

IV. Đánh giá

1. Kết quả đạt được

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã làm tốt công tác tham tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã phối hợp tốt trong quá trình triển khai thực hiện. Công tác tuyên truyền về Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và các văn bản liên quan được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao nhận thức của cá nhân, gia đình, cộng đồng về chế độ, chính sách của Nhà nước đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội.

Các chế độ, chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội được triển khai đầy đủ, đúng đối tượng; công tác quản lý hồ sơ cơ bản đảm bảo quy định; công tác thanh, quyết toán chặt chẽ, kịp thời. Việc lập hồ sơ, giải quyết hồ sơ cơ bản đảm bảo quy trình, thủ tục quy định.

---

[4] Xã Ya Xiêr 15 khẩu/225 kg; xã Sa Sơn 15 khẩu/225kg; xã Ya Tăng 17 khẩu/255 kg; xã Ya Ly 47 khẩu/705kg.

[5] Thị trấn Sa Thầy: Hỗ trợ 02 gia đình có trẻ em chết do đuối nước; xã Hơ Moong: Hỗ trợ 01 gia đình có trẻ em chết do đuối nước; xã Sa Bình: Hỗ trợ 01 gia đình có trẻ em chết do đuối nước; xã Sa Sơn: Hỗ trợ 01 gia đình có trẻ em chết do đuối nước; Sa Nghĩa: Hỗ trợ 01 gia đình có người chết do sét đánh.

Với việc mở rộng đối tượng hưởng *(trẻ em dưới 03 tuổi, người cao tuổi từ đủ 75 đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn),* nâng hệ số hưởng *(đối tượng người đơn thân nghèo đang nuôi con)* và nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội hàng tháng *(từ 270.000 đồng/ người/ tháng lên 360.000 đồng/ người/ tháng)* đã thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội, giúp các đối tượng vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn huyện.

2. Tồn tại, hạn chế

Công tác lập hồ sơ giải quyết chế độ trợ giúp xã hội cho đối tượng người từ đủ 80 tuổi trở lên mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng và đối tượng người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn còn chậm[(6)].

Công tác quản lý đối tượng bảo trợ xã hội chưa chặt chẽ, cập nhật thông tin đối tượng chưa kịp thời *(đối tượng chết, thay đổi nơi ở, thay đổi điều kiện, mức hưởng… nhưng chưa kịp thời lập hồ sơ đề nghị giải quyết[(7)]).*

Công tác thiết lập, quản lý hồ sơ ở một số địa phương chưa đảm bảo *(thiếu thông tin trong tờ khai, hồ sơ còn tẩy xóa, lưu trữ hồ sơ chưa đầy đủ[(8)]…).*

Việc chi trả chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng còn chậm[(9)]. Một số nhân viên Bưu điện chưa chủ động đến tận nhà cấp tiền cho các đối tượng cao tuổi già yếu, đi lại khó khăn[(10)].

Công tác phối hợp giữa Công chức Văn hóa - Xã hội cấp xã với nhân viên Bưu điện trên địa bàn một số xã chưa chặt chẽ ảnh hưởng đến công tác theo dõi, quản lý đối tượng.

Từ tháng 9 năm 2022, chưa có kinh phí để thực hiện chi trả chế độ cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện.

Toàn huyện hiện có 1.255 đối tượng là trẻ em dưới 03 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn được truy lĩnh sai quy định với số tiền 2.890 triệu đồng.

Công tác kiểm tra, giám sát chưa được thực hiện thường xuyên, chưa xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

---

(6) Xã Sa Nghĩa, xã Sa Bình, xã Ya Ly, thị trấn Sa Thầy, xã Sa Nhơn, xã Ya Tăng, xã Ya Xiêr, xã Sa Sơn, xã Rờ Kơi.

(7) Xã Sa Nghĩa, xã Sa Bình, xã Ya Ly, thị trấn Sa Thầy, xã Sa Nhơn, xã Ya Tăng, xã Ya Xiêr, xã Sa Sơn, xã Rờ Kơi, xã Hơ Moong.

(8) Xã Sa Bình, Hơ Moong, xã Sa Sơn.

(9) Xã Ya Xiêr, xã Mô Rai.

(10) Xã Hơ Moong, xã Rờ Kơi, xã Sa Nghĩa, thị trấn Sa Thầy.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện cao, nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế đã ảnh hưởng đến công tác triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn huyện.

Số đối tượng mới phát sinh theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP lớn so với dự toán dẫn đến thiếu kinh phí chi trả chế độ cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện.

Văn bản của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội[11] hướng dẫn thời gian áp dụng chính sách đối với đối tượng trẻ em dưới 03 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn sai so với quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP dẫn đến truy lĩnh sai chế độ cho các đối tượng.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa chặt chẽ, thường xuyên.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách tuy được thực hiện nhưng chưa thường xuyên, sâu rộng.

Công chức phụ trách văn hóa - xã hội ở một số địa phương còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, chưa được bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tham mưu cho Ủy ban nhân dân trong việc thực hiện chế độ, chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn.

4. Kiến nghị, đề xuất

Nhằm khắc phục những hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, đảm bảo thực hiện có hiệu quả chính sách an sinh xã hội trên địa bàn huyện, Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân huyện đề nghị Ủy ban nhân dân huyện thực hiện và chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

1. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với công tác bảo trợ xã hội và thực hiện các chính sách bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các quy định của Đảng, Nhà nước về chế độ, chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội, nhất là những chính sách mới đến cán bộ, công chức, Nhân dân trên địa bàn.

3. Thực hiện xét duyệt hồ sơ các đối tượng đảm bảo công khai, công bằng, chính xác, khách quan; lưu trữ, quản lý hồ sơ đối tượng chặt chẽ, đúng quy định.

---

[11] Văn bản số 2378/SLĐTBXH-TGXHGN ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Thường xuyên theo dõi, rà soát, đối chiếu và thực hiện điều chỉnh tăng, giảm đối tượng kịp thời khi đối tượng hết tuổi, chết, chuyển nơi cư trú, thay đổi mức độ khuyết tật…

5. Thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác lập hồ sơ, công tác chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng.

6. Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức văn hóa - xã hội các xã, thị trấn.

7. Rà soát, bố trí chức danh công chức Văn hóa - Xã hội xã Sa Nhơn.

8. Tổ chức thu hồi kinh phí đã chi sai cho đối tượng trẻ em dưới 03 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội./.

Nơi nhận:
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- UBND huyện;
- UBMT TQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, HTTD.

TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY TỈNH KON TUM

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN
Nguyễn Đăng Khoa